

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2023
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia
đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hoàng Giang

Ông Lê Văn Chi

- **Thư ký phiên Tòa** : Bà Nguyễn Thái Trang là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng không tham gia phiên Tòa.**

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 598/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “ Xin ly hôn, về nuôi con chung ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 281/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa;

1.*Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị T , sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp Thới A, xã Thới B, huyện Q, tỉnh K (có mặt).

2.*Bị đơn* : Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1984; địa chỉ : ấp Trao E, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2022 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thi trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh A, huyện G vào ngày 12/11/2007, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M ghen tuông vô cớ, chị

đã nhiều lần thanh minh nhưng anh M không nghe, đánh đập chị nhiều lần, do vợ chồng đi lên làm ăn ở Bình Dương lạ chỗ không quen biết nên không báo chính quyền can thiệp, anh M không còn quan tâm chăm sóc chị, hai bên thường xuyên cự cãi nhau, đã nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 06/9/2019 cho đến nay. Chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị xin được ly hôn với anh M; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 17/12/2008; Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày: 04/12/2011, hiện 02 con đang sống với anh M, chị xin được giao con cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 16/10/2022 anh Nguyễn Văn M trình bày: Giữa anh và chị T quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn hai bên không tự hòa giải được, nay chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn; Về con chung có hai đứa đúng nhưng đơn khởi kiện chị T trình bày, hiện nay hai cháu đang ở với anh, con theo ai thì người đó nuôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng : Chị Huỳnh Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “ Xin ly hôn, về nuôi con chung” giữa chị và anh M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh M đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tổng đạt, có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và xin không tham gia phiên công khai chứng cứ , phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa . Xét thấy việc vắng mặt của anh M không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn M.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị T và anh M trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh A, huyện G, tỉnh K nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cũng tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T và anh M đã sống ly thân từ 06/9/2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kể từ khi chị T và anh M sống ly thân cho đến nay anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho chị Huỳnh Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

{2.2} Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 17/12/2008; Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày: 04/12/2011, hiện hai cháu đang ở với anh M, chị T xin được giao 02 cháu cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị T và anh M sống ly thân cho đến nay, 02 cháu sống với anh M, anh vẫn chăm sóc cho các cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, tại bản tự khai 02 cháu đều có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn xin được ở với anh M, việc tự nguyện trên của hai cháu không bị ép buộc. Cho nên, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao 02 cháu cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về tài sản chung; nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Huỳnh Thị T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 3084 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Huỳnh Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 17/12/2008; Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày: 04/12/2011 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Huỳnh Thị T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí mà chị T

đã nộp theo biên lai thu tiền số 3084 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Chị T và anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị T được tính kể ngày tuyên án (ngày 10/01/2023). Anh M được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án
- Đường sự
- UBND xã
- Lưu HS, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên